ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 294/BC-UBND	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

Signature Not Verified
Thời gian ký: 16/11/2018 11:02 AM

BÁO CÁO
Kết quả 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 -2020 của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016–2020 của thành phố Hà Nội như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều

Thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 03/4/2016 về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 phù hợp tình hình thực tế của Thành phố, cụ thể:

Hộ	*Thu nhập bình quân đầu người trong hộ (đồng/người/tháng)*	
	Nông thôn	*Thành thị*
Hộ nghèo (là hộ đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí)	Từ 1.100.000 đồng trở xuống Hoặc Trên 1.100.000 đến 1.500.000 đồng, đồng thời có từ 3 chỉ số thiếu hụt trở lên	Từ 1.400.000 đồng trở xuống Hoặc Trên 1.400.000 đến 1.950.000 đồng, đồng thời có từ 3 chỉ số thiếu hụt trở lên
Hộ cận nghèo	Trên 1.100.000 đồng đến 1.500.000 đồng, đồng thời có dưới 3 chỉ số thiếu hụt	Trên 1.400.000 đồng đến 1.950.000 đồng, đồng thời có dưới 3 chỉ số thiếu hụt
Hộ có mức sống trung bình	Trên 1.500.000 đồng đến 2.300.000 đồng	Trên 1.950.000 đồng đến 3.000.000 đồng

2. Thực trạng hộ nghèo, cận nghèo thành phố Hà Nội đầu năm 2016

2.1. Tình hình chung: Năm 2016 (đầu giai đoạn giảm nghèo 2016-2020), toàn Thành phố có 65.377 hộ nghèo, chiếm 3,64% tổng số hộ dân cư và có 34.005 hộ cận nghèo chiếm 1,89% tổng số hộ dân cư. Trong đó:

2. Thực trạng hộ nghèo, cận nghèo thành phố Hà Nội đầu năm 2016

2.1. Tình hình chung:

Năm 2016 (đầu giai đoạn giảm nghèo 2016-2020), toàn Thành phố có 65.377 hộ nghèo, chiếm 3,64% tổng số hộ dân cư và có 34.005 hộ cận nghèo chiếm 1,89% tổng số hộ dân cư. Trong đó:

- Khu vực nông thôn có 60.272 hộ nghèo (chiếm 5,6%); Khu vực thành thị có 5.105 hộ nghèo (chiếm 0,71%).

- Có 44.765 hộ nghèo theo chuẩn Trung ương, chiếm 68,47% tổng số hộ nghèo của Thành phố (2,49 % tổng số hộ dân).

- Tại 14 xã miền núi, dân tộc thiểu số có 3.728 hộ nghèo, chiếm 13,38% tổng số hộ dân.

- 10 quận có tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%, trong đó quận Cầu Giấy có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất (0,12%).

- 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 10% là huyện Ba Vì (11,4%) và huyện Chương Mỹ (10,2%).

- 02 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là xã Ba Vì, huyện Ba Vì (48,5%) và xã An Phú, huyện Mỹ Đức (38,4%).

- Có 04 phường và 01 thị trấn không có hộ nghèo: Nhật Tân, Quảng An, Tứ Liên (quận Tây Hồ); Khương Mai (quận Thanh Xuân) và thị trấn Sóc Sơn (huyện Sóc Sơn).

2.2. Xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135:

Toàn Thành phố có 14 xã miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đầu năm 2016 tổng số hộ nghèo là: 3.728 hộ, chiếm tỷ lệ 13,38% tổng số hộ dân cư 14 xã.

- Đầu năm 2016 Thành phố có 02 xã thuộc diện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã An Phú thuộc huyện Mỹ Đức và xã Ba Vì thuộc huyện Ba Vì.[1]

- Có17 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn[2], trong đó huyện Ba Vì: 13 thôn, huyện Quốc Oai: 4 thôn.

3. Mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện mục tiêu nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, trong đó xác định rõ mục tiêu gồm:

- Đến cuối năm 2018, không còn xã, thôn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

---

[1] Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016

[2] Quyết định số 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016

- Phấn đấu đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,2%; riêng tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn dưới 1,5%; Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 3%.

- Kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016-2020:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ hộ nghèo giảm	1,3%	0,6%	0,3%	0,2%	0,1%
Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	2,3%	1,7%	1,4%	1,2%	1,1%

II. KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018. Thành phố Hà Nội đã tiến hành rà soát văn bản giảm nghèo của Thành phố và Trung ương. Kết quả: Đề nghị bãi bỏ, thay thế 06 văn bản, trong đó hết hiệu lực 04 văn bản (chính sách thực hiện theo quy định của Trung ương), đề nghị thay thế 02 văn bản, giữ nguyên 02 văn bản; đề nghị sửa đổi 02 văn bản của Chính phủ vì chính sách không còn phù hợp với thực tế.

1.1. Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2018, UBND thành phố Hà Nội đã trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các văn bản về cơ chế, chính sách chỉ đạo như sau:

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hỗ trợ 100% đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội đang điều trị tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội từ ngân sách Thành phố.

1.2. UBND Thành phố ban hành các Quyết định, văn bản chỉ đạo:

- Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 03/4/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND Thành phố về việc quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND Thành phố hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 9020/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" đến năm 2020.

- Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 25/01/2018 của UBND Thành phố về việc hỗ trợ nhà ở hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Hàng năm, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo, và có văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác giảm nghèo đến các ngành, các quận, huyện, thị xã.

(Phụ lục số 1- Hệ thống các văn bản liên quan đến Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2018 kèm theo)

1.3. UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch giảm nghèo hằng năm phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

Một số địa phương ban hành Đề án giảm nghèo bền vững: Cầu Giấy, Thanh Xuân, Quốc Oai, Ba Đình, Long Biên, Tây Hồ, trong đó đưa ra nhiều giải pháp đặc thù để hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững.

2. Nguồn lực thực hiện giảm nghèo

- Trong 03 năm 2016 – 2018, ngân sách Thành phố đã bố trí trên 6.380 tỷ đồng để thực hiện chương trình giảm nghèo, tập trung vào các nội dung:

+ 2.015 tỷ đồng ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay các chương trình: Giải quyết việc làm, vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ, vay xây dựng nhà ở...

+ Trên 3.515 tỷ đồng để thực hiện chính sách cho người nghèo, hộ nghèo, trong đó: 552,8 tỷ đồng đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo; trên 2.812 tỷ đồng chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng; hỗ trợ tiền điện trên 83,7 tỷ đồng, miễn giảm học phí cho học sinh có cha mẹ thuộc hộ nghèo, cận nghèo trên 17 tỷ đồng, trợ cấp cho người già yếu ốm đau không có khả năng lao động thoát nghèo là 6,4 tỷ đồng, quà tết cho hộ nghèo trên 42,7 tỷ đồng và nhiều nội dung khác.

+ Đầu tư 850 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các xã miền núi, dân tộc.

- Ngoài nguồn ngân sách, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội trong 2 năm 2016 và năm 2017 đã vận động được 13,224 tỷ đồng cho quỹ "Vì người nghèo"; cấp huyện và cấp xã vận động được 102,7 tỷ đồng để hỗ trợ

người nghèo, hộ nghèo. Riêng năm 2018 UBND Thành phố vận động các doanh nghiệp hỗ trợ trên 50 tỷ đồng để xây, sửa nhà ở xuống cấp cho hộ nghèo.

3. Phát động thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau"

- Thực hiện Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức Phòng trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2016 – 2020, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 9020/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố. Nhiệm vụ giảm nghèo trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị; phong trào thi đua đã bám sát mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn. Thông qua phong trào thi đua đã phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong việc thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

- Lồng ghép, gắn kết các nội dung thi đua với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Ngày vì người nghèo" 17/10 hằng năm, đã có tác động tích cực, tạo khí thế thi đua sôi nổi, tích cực thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn Thành phố đã cụ thể hóa các chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo; tăng cường tuyên truyền, vận động, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, MTTQ, các tổ chức chính trị, xã hội, cùng với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của hộ nghèo.

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua; phát huy sáng kiến trong xây dựng, tham mưu ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, đề xuất các giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo; thi đua đồng thuận hợp tác, trách nhiệm vì người nghèo và góp phần giảm nghèo bền vững; cán bộ làm công tác giảm nghèo thi đua tận tụy, gương mẫu, trách nhiệm, đồng hành cùng người nghèo, hướng tới một xã hội không để ai bị bỏ lại phía sau nhằm huy động các tập thể, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước, các doanh nghiệp có những việc làm thiết thực tham gia đóng góp công sức, trí tuệ, của cải vật chất hỗ trợ, giúp đỡ địa phương, cơ sở, cộng đồng và các hộ gia đình giảm nghèo và thoát nghèo bền vững.

- Các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn thi đua đề ra nội dung, giải pháp giảm nghèo đặc thù của địa phương mình, bố trí và huy động đa dạng nguồn lực cho địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao nhằm giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, giàu. Gắn phong trào thi đua với phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể nhân dân vận động đoàn viên, hội viên tham gia hưởng ứng tích cực phong trào thi đua, gắn với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Thôn, xóm, tổ dân phố cộng đồng thi đua đoàn kết giúp nhau giảm nghèo và từng bước làm giàu, hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống và cùng nhau vươn lên thoát nghèo.

- Các hộ gia đình thi đua chủ động vượt khó vươn lên thoát nghèo và giúp đỡ các cá nhân, hộ gia đình khác phát triển kinh tế và cùng nhau vươn lên thoát nghèo.

4. Kết quả thực hiện các chính sách

4.1. Chính sách tín dụng

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố đã cho 78.841 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay, với doanh số cho vay là 2.178,034 tỷ, đưa tổng dư nợ cho vay nhóm này lên đến 5.053,706 tỷ đồng; tính đến 6 tháng năm 2018, ngân sách Thành phố đã bố trí trên 2.000 tỷ đồng ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố để tăng nguồn vốn cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

4.2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Ngân sách Thành phố hỗ trợ đóng 100% bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; 30% cho người thuộc hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố hướng dẫn cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và thống nhất quy trình cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn Thành phố.

- Trong 3 năm (2016-2018) có 836.256 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, kinh phí trên 552,8 tỷ đồng.

- Ngoài ra, Sở Y tế đã hỗ trợ người bệnh thuộc diện khó khăn số tiền là gần 1,3 tỷ đồng, nhiều trường hợp được miễn hoặc giảm viện phí. Có 30.663 người thuộc đối tượng chính sách được khám, cấp thuốc miễn phí và 12.834 lượt người được tặng quà với kinh phí 2,4 tỷ đồng.

4.3. Hỗ trợ nhà ở

- Trong các năm 2016-2017 các quận, huyện, thị xã thực hiện hỗ trợ xây, sửa nhà ở xuống cấp, hư hỏng nặng cho 1.996 hộ nghèo từ nguồn ngân sách địa phương và vận động.

- Năm 2018, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 25/01/2018 về hỗ trợ nhà ở hộ nghèo trên địa bàn thành phố, trong đó mục tiêu hỗ trợ xây, sửa 4.046 nhà ở hộ nghèo xuống cấp tại 15 huyện, thị xã (các địa phương khác không có nhà ở xuống cấp theo tiêu chí của Kế hoạch số 29/KH-UBND).

Kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch là 202 tỷ đồng, trong đó ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho hộ nghèo vay mức 25 triệu đồng/hộ (hộ vay không phải trả lãi). Thành phố và huyện, thị xã vận động xã hội hóa để hỗ trợ thêm mỗi hộ 10 triệu đồng/nhà sửa chữa và 20 triệu đồng/nhà xây mới. Đến hết ngày 15/10/2018, các huyện, thị xã đã hoàn thành Chương trình hỗ trợ nhà ở hộ nghèo, đã có 4.162 nhà được hỗ trợ xây sửa, đạt 102,8% kế hoạch. Tổng kinh phí hỗ trợ trên 403 tỷ đồng, trong đó 108,525 tỷ đồng ngân sách Thành phố ủy thác cho vay không phải trả lãi, còn lại là kinh phí xã hội hóa các cấp hỗ trợ. Các quận huyện còn lại vận động, hỗ trợ xây sửa 83 nhà ở cho hộ nghèo.

4.4. Hỗ trợ tiền điện

100% hộ nghèo của Thành phố được hỗ trợ tiền điện, số tiền 83,7 tỷ đồng. Mức hỗ trợ theo đúng quy định của Trung ương.

4.5. Hỗ trợ tiếp cận thông tin

- Hỗ trợ đầu thu và đường truyền tiếp cận truyền hình số theo Đề án số hóa truyền hình cho hộ nghèo: Năm 2016, đã thực hiện hỗ trợ cho 61.965 hộ nghèo tại 30 quận, huyện, thị xã, đảm bảo 100% hộ nghèo của Thành phố được tiếp cận và sử dụng truyền hình số mặt đất. Trong đó Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) hỗ trợ cho 51.989 hộ nghèo, cận nghèo chuẩn Trung ương, Tổng công ty Viễn thông quân đội Viettel hỗ trợ cho 9.976 hộ.

- Viettel Hà Nội đã tặng 2.500 điện thoại di động cho hộ nghèo các huyện Ba Vì, Quốc Oai, Thạch Thất, Mỹ Đức và Ứng Hòa.

4.6. Trợ cấp hằng tháng

- Toàn Thành phố hiện có 189.143 đối tượng bảo trợ xã hội, người chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại xã phường, thị trấn. Mức chuẩn trợ cấp hàng tháng của Thành phố là 350.000 đồng/hệ số 1 (mức chuẩn trợ cấp của Trung ương là 270.000 đồng/hệ số 1). Tổng kinh phí trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội hàng năm là trên 1.000 tỷ đồng. Trong tổng số đối tượng bảo trợ xã hội có 18.513 người thuộc hộ nghèo.

- Trợ cấp cho 5.000 người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, mức trợ cấp 350.000 đồng/người/tháng (chính sách đặc thù của Thành phố).

4.7. Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thành phố tiếp tục bố trí vốn để thực hiện 68 dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 nhằm phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi của Thành phố[3], số tiền 850 tỷ đồng, trong đó năm 2016 là 400 tỷ đồng, năm 2017 là 350 tỷ đồng và năm 2018 là 100 tỷ đồng.

[3] Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 vè phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

4.8. Hỗ trợ khác

- Hỗ trợ khuyến khích hỏa táng: Hộ nghèo được hỗ trợ chi phí hỏa táng (3 triệu đồng); vận chuyển (1 triệu đồng khu vực nông thôn và 500.000 đồng khu vực thành thị); áo quan, đồ khâm liệm, phí quản lý lưu giữ bình tro (5,55 triệu đồng).

- Tổ chức thăm, tặng quà cho hộ nghèo, người cao tuổi và các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết Nguyên đán với tổng số quà bằng tiền mặt và hiện vật trị giá 312,39 tỷ đồng. Trong đó: Tết Nguyên đán Bính Thân 2016 là 94 tỷ đồng; Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 là 103 tỷ đồng và Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018 là 115,39 tỷ đồng.

4.9. Cơ chế đặc thù của một số địa phương

Bên cạnh chính sách chung của Trung ương, chính sách đặc thù của Thành phố, một số quận, huyện, thị xã còn ban hành cơ chế hỗ trợ hộ nghèo giảm nghèo nhanh, hiệu quả:

- Hỗ trợ xây dựng nhà ở xuống cấp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đan Phượng, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Tây Hồ.

- Hỗ trợ bò giống để chăn nuôi, tặng xe máy làm phương tiện đi lại và làm dịch vụ, trợ giúp công cụ lao động kinh doanh (máy khâu, máy ép mía); hỗ trợ kinh doanh buôn bán nhỏ: Đan Phượng, Hai Bà Trưng, Mỹ Đức, Quốc Oai, Thạch Thất.

- Vận động doanh nghiệp nhận đỡ đầu học sinh nghèo, hỗ trợ toàn bộ tiền ăn bán trú, tiền đóng góp các quỹ, tiền quần áo, sách vở... cho học sinh nghèo; tặng sổ tiết kiệm cho hộ nghèo cô đơn, trợ cấp hàng tháng cho hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội, hỗ trợ kinh phí cùng chi trả bảo hiểm y tế, tặng ti vi, điện thoại...: Ba Đình, Cầu Giấy, Đan Phượng, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Long Biên, Thanh Xuân, Tây Hồ.

- Mô hình "Tổ tương trợ" đang được Hội Liên hiệp phụ nữ các phường thuộc quận Tây Hồ triển khai thực hiện: 03 hộ có hoàn cảnh khá, giàu giúp 01 hộ nghèo; mô hình "Phường không còn hộ nghèo giúp đỡ phường còn hộ nghèo".

- Quận Long Biên trợ cấp tiền khám chữa bệnh cho người mắc bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ toàn bộ kinh phí hỏa táng cho thành viên hộ nghèo theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh là con hộ nghèo đang học tiểu học, tiền mua đồng phục cho học sinh thuộc hộ nghèo đang học tiểu học, trung học cơ sở các trường công lập; hỗ trợ hàng tháng cho hộ nghèo chỉ có 1 khẩu...

5. Nâng cao năng lực giảm nghèo

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và triển khai kịp thời các văn bản, chính sách của Trung ương, để nâng cao năng lực và vai trò trách nhiệm của cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp. Thành phố đã tổ chức 15 lớp tập huấn cho cấp huyện và cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã, phường, thị trấn với 3.628 đại

biểu tham gia. Các quận, huyện, thị xã tổ chức tập huấn với 450 lớp cho 90.000 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo.

6. Truyền thông về giảm nghèo

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về giảm nghèo, nâng cao trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc thực hiện chương trình giảm nghèo.

- Cung cấp tài liệu, hệ thống hóa các văn bản theo chuyên đề để thuận tiện trong việc tra cứu. Thực hiện các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm: 5 phóng sự truyền hình; 01 tọa đàm; 800 cuốn hệ thống các văn bản về giảm nghèo của Trung ương và Thành phố; 700 cuốn Sổ tay hướng dẫn kiểm tra và giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; 550 tin bài và 270 ấn phẩm khác.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Căn cứ chỉ tiêu giảm nghèo được giao, hàng năm, các sở, ngành Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức đoàn kiểm tra thực tế tại các địa phương về việc thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.

- Tổ chức hội nghị giám sát, đánh giá hàng năm cho gần 20.000 đại biểu ở các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn.

8. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội đã hỗ trợ xây, sửa nhà ở cho 1.962 hộ nghèo với số tiền là 41,728 tỷ đồng; hỗ trợ về sản xuất, hỗ trợ khám chữa bệnh và hỗ trợ khác hơn 73 tỷ đồng.

- Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố đã có nhiều hoạt động giúp đỡ các hội viên là hộ nghèo như: Từ năm 2016 đến nay đã xây, sửa 231 ngôi nhà với số tiền trên 6 tỷ đồng; trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho 3.364 phụ nữ nghèo; 10.841 hộ phụ nữ nghèo và cận nghèo được giúp đỡ về ngày công, con giống, vật tư, giới thiệu việc làm...

- Hội Nông dân Thành phố có phong trào "Sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, tương trợ giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững", theo đó trong 2 năm 2017 và 2018 trực tiếp xây mới, sửa chữa 38 căn nhà với số tiền hơn 603 triệu đồng, hỗ trợ nông dân nghèo vay phân bón, vật tư nông nghiệptrả chậm, xây dựng nguồn quỹ Hỗ trợ nông dân đạt 543 tỷ đồng để cho nông dân vay phát triển kinh tế.

(Phụ lục số 2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016-2018 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả đạt được

- Giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các địa phương. Giảm nghèo nhanh, bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể, đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Thành phố, cộng đồng xã hội và đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của các hộ nghèo. Điều này thể hiện xuyên suốt qua các văn kiện Đại hội Đảng bộ của Thành phố, Nghị quyết HĐND hàng năm và các văn bản của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các hộ nghèo, cận nghèo.

- Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, chỉ tiêu giảm nghèo của Thành phố liên tục hoàn thành. Nguồn lực Thành phố có thể chủ động đáp ứng được công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được ban hành và nghiêm túc triển khai thực hiện đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, cận nghèo. Chất lượng cuộc sống của người dân khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc ngày càng được nâng cao. Người dân đã được tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ xã hội. An sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều được Chính phủ ban hành và áp dụng từ giai đoạn 2016-2020.Trên cơ sở đó, thành phố Hà Nội đã nghiên cứu, phân tích và quyết định áp dụng mức chuẩn nghèo đa chiều cao hơn 1,5 lần. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, bằng nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ, thu nhập và đời sống của các hộ nghèo được cải thiện rõ rệt.

- Từ những kết quả đã đạt được, tồn tại, hạn chế và những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện giảm nghèo của các giai đoạn trước, ngay từ đầu giai đoạn giảm nghèo 2016-2020, Thành phố đã tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt các giải pháp giảm nghèo bền vững như:

+ Trích ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay phát triển sản xuất, vay chăn nuôi bò (nguồn vốn Thành phố đầu tư luôn cao hơn các tỉnh, thành phố khác);

+ Tập trung các nguồn lực thực hiện hỗ trợ xây sửa nhà cho trên 8.000 người có công với cách mạng, hoàn thành trong năm 2017 và năm 2018 tiếp tục hỗ trợ xây sửa nhà cho 4.166 hộ nghèo, hoàn thành trước ngày 17/10/2018;

+ Thực hiện lồng ghép các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiệu số với chính sách hỗ trợ hộ nghèo; gắn việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững.

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, trong đó ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (hỗ trợ: bảo hiểm y tế, học phí, tiền điện, dạy nghề cho lao động nông thôn, sữa học đường...)

- Chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm đề đạt và vượt kế hoạch. Tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố giảm từ 3,64% (đầu năm 2016) xuống 1,69% (đầu năm 2018) và còn

1,17% vào cuối năm 2018, hoàn thành trước 02 năm mục tiêu giảm nghèo của Thành phố giai đoạn 2016-2020. Nếu không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội[4], tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố còn 0,6%.

- Có 16/30 quận, huyện, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%, trong đó có 04 quận: Cầu Giấy, Tây Hồ, Ba Đình, Thanh Xuân không còn hộ nghèo.

Kết quả giảm nghèo của Thành phố qua các năm như sau:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Số hộ nghèo giảm	25.037 hộ	15.181 hộ	11.500 hộ
Tỷ lệ hộ nghèo giảm	1,3%	0,7%	0,5%
Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	2,37%	1,69%	1,17% (Nếu trừ hộ nghèo chính sách BTXH còn dưới 0,6%)

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020:

+ Cuối năm 2017, Thành phố không còn hộ nghèo diện chính sách người có công; không còn xã, thôn thuộc diện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn[5], hoàn thành trước 01 năm mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

+ Cuối năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố còn dưới 1,2%, nếu trừ hộ nghèo chính sách BTXH còn 0,6%, hoàn thành trước 02 năm mục tiêu giảm nghèo của Thành phố giai đoạn 2016-2020.

(Phụ lục số 3 - Biểu tổng hợp số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2018

Phụ lục số 4 - Tỷ lệ hộ nghèo các xã miền núi giai đoạn 2016-2018 kèm theo)

2. Thuận lợi, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Thuận lợi

- Thực hiện chính sách giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND Thành phố, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp xác định mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tiêu giảm hộ nghèo được xác định là một chỉ tiêu

---

[4] Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động. *(Theo khoản 6 Điều 2 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.*

[5] Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020

thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền xã địa phương. Theo đó, các địa phương đã nghiên cứu, phân tích và đưa ra các giải pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Nhiều địa phương tích cực hưởng ứng phong trào thi đua Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau, ban hành Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững, phấn đấu giảm 100% hộ nghèo trên địa bàn.

- Cùng với các cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững do Chính phủ quy định, chương trình giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội đã thu hút được sự quan tâm, hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức và sự đồng tình của các tầng lớp nhân dân.

- Các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức, thực hiện và nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều. UBND quận, huyện, thị xã chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn tổ chức rà soát, bố trí nhân lực, nguồn lực đảm bảo công tác rà soát kịp thời, đúng tiến độ.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Kết quả giảm nghèo tại một số địa bàn chưa thực sự bền vững. Công tác phối hợp các chương trình, chính sách liên quan của các cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

- Việc kiểm tra, giám sát thực hiện công tác giảm nghèo, rà soát hộ nghèo tại một số địa phương còn chưa thường xuyên. Công tác tuyên truyền thực hiện chế độ, chính sách đến các hộ nghèo tại một số đơn vị chưa thực sự sâu rộng, thường xuyên. Một bộ phận người nghèo được thụ hưởng chính sách còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại, không có ý chí vươn lên thoát nghèo.

- Vẫn tồn tại một số hộ nghèo không có người có khả năng lao động, hộ có thành viên mắc bệnh hiểm nghèo, mắc tệ nạn xã hội; một số hộ nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào trợ cấp của Nhà nước, sự hỗ trợ của họ hàng... việc thực hiện giảm nghèo đối với những hộ này rất khó khăn.

2.3. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt đến công tác giảm nghèo; việc đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện còn chưa thường xuyên.

- Công tác tuyên truyền tuy có nhiều hình thức, phương pháp mới, tuy nhiên chưa phong phú, đa dạng, chưa lan tỏa đếnhầu hết các hộ nghèo.

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo xã, phường chủ yếu là kiêm nhiệm nên việc phối hợp thực hiện, đôn đốc cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

2.4. Bài học kinh nghiệm

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhận thức đầy đủ, xác định công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia giảm

giảm nghèo bền vững.Chính sách, giải pháp giảm nghèo cần được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng của người dân và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Các địa phương cần chủ động, phân tích rõ nguyên nhân nghèo của từng hộ, phân loại hộ nghèo theo từng nhóm để có các giải pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả.

- Giảm nghèo là một quá trình lâu dài, gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện giảm nghèo đòi hỏi phải có sự kiên trì, tránh chủ quan, nóng vội, tránh bệnh thành tích. Cấp ủy, chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong công tác giảm nghèo.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông về giảm nghèo để tuyên truyền chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, phổ biến, nhân rộng các mô hình điển hình giảm nghèo có hiệu quả.

- Tiếp tục đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, vận động các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệptham gia đóng góp giúp đỡ hộ nghèo.

-Thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở cho việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020.

-Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận thuận tiện với các dịch vụ xã hội. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các xã khó khăn tạo điều kiện người nghèo mở rộng sản xuất, tiếp cận thị trường tiêu thụ hàng hóa.

- Công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách ở cơ sở cần được thực hiện thường xuyên. Các chế độ, chính sách phải được công khai, minh bạch, có sự giám sát của nhân dân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2020

1. Phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020

- Phấn đấu đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố còn dưới 1%, nếu trừ hộ nghèo thuộc chính sách BTXH còn dưới 0,3%.

- Phấn đấu đến cuối năm 2020, nếu trừ hộ nghèo thuộc chính sách BTXH, Thành phố không còn hộ nghèo.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu giảm nghèo của Thành phố và Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau".

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo, tập trung nguồn lực, giải pháp giảm nghèo hiệu quả, bền vững, ưu tiên các xã vùng dân tộc thiểu số, miền

núi; các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thực hiện chương trình giảm nghèo gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao chất lượng và tăng tỷ lệ đào tạo nghề lao động nông thôn; Đào tạo nghề gắn với đào tạo tại doanh nghiệp, ngành nghề đào tạo phải phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, yêu cầu của thị trường lao động và quy hoạch phát triển sản xuất.Hỗ trợ lao động nghèo vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững (vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo mô hình hộ gia đình hoặc nhóm hộ liên kết sản xuất, áo dụng công nghệ cao; vay chăn nuôi bò). Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo (cấp thẻ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập cho con hộ nghèo, cung cấp nước sạch cho người dân, hỗ trợ sữa học đường…

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo. Kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, tiếp nhận, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo; hỗ trợ thường xuyên cho các hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (thành viên hộ nghèo là người khuyết tật, cao tuổi cô đơn, trẻ em mồ côi, người bị mắc bệnh hiểm nghèo…)..

- Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định công tác rà soát hộ nghèo hằng năm, thực hiện bình xét công khai, minh bạch; nâng cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố trong công tác rà soát, thẩm định và công nhận hộ nghèo.

- Phân loại các hộ không có khả năng thoát nghèo; thường xuyên rà soát, xét duyệt trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng cho các đối tượng là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng theo quy định. Các địa phương cần nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ các hộ không có khả năng thoát nghèo.

Trên đây là báo cáo kết quả 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của thành phố Hà Nội và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2020./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Phó Chủ tịch UBND Thành phố: Ngô Văn Quý, Nguyễn Doãn Toàn;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Sở LĐTB&XH;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang; các phòng KT, KGVX, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

Phụ lục số 1

HỆ THỐNG VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
Giai đoạn 2016-2018

TT	Loại văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung văn bản
1	Quyết định	41/2015/QĐ-UBND	30/12/2015	UBND Thành phố	Ban hành quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021
2	Quyết định	1247/QĐ-UBND	14/3/2016	UBND Thành phố	Về việc tặng quà cho tập thể, cá nhân ngày Quốc tế người khuyết tật, ngày khuyết tật Việt Nam và ngày Cả nước vì người nghèo năm 2016
3	Quyết định	12/2016/QĐ-UBND	13/4/2016	UBND Thành phố	Ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020
4	Quyết định	2572/QĐ-UBND	24/5/2016	UBND Thành phố	Phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của TP Hà Nội năm 2016
5	Quyết định	284/QĐ-UBND	16/01/2017	UBND Thành phố	Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2016
6	Quyết định	824/QĐ-UBND	10/02/2017	UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020
7	Quyết định	03/2017/QĐ-UBND	10/02/2017	UBND Thành phố	Chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn thành phố Hà Nội
8	Quyết định	1716/QĐ-UBND	14/3/2017	UBND Thành phố	Về việc tặng quà cho tập thể, cá nhân ngày Quốc tế người khuyết tật, ngày khuyết tật Việt Nam và ngày Cả nước vì người nghèo năm 2017
9	Nghị quyết	03/NQ-HĐND	03/7/2017	HĐND Thành phố	Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình hộ nghèo của thành phố Hà Nội và quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội
10	Quyết định	4055/QĐ-UBND	03/7/2017	UBND Thành phố	Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thành phố Hà Nội
11	Quyết định	26/QĐ-UBND	04/8/2017	UBND Thành phố	Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Ngân hàng CSXH cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội
12	Quyết định	6335/QĐ-UBND	11/9/2017	UBND Thành phố	Bổ sung 250 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội trong năm 2017 để cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân

TT	Loại văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung văn bản
13	Nghị quyết	09/NQ-HĐND	05/12/2017	HĐND Thành phố	Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó quy định nội dung và mức chi: Bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội, thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội
14	Quyết định	9020/QĐ-UBND	29/12/2017	UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" đến năm 2020
15	Quyết định	9023/QĐ-UBND	29/12/2017	UBND Thành phố	Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2017
16	Kế hoạch	29/KH-UBND	25/01/2018	UBND Thành phố	Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội
17	Quyết định	1343/QĐ-UBND	16/3/2018	UBND Thành phố	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội và phân bổ nguồn vốn cho vay để xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo.
18	Quyết định	1737/QĐ-UBND	10/4/2018	UBND Thành phố	Ứng ngân sách Thành phố và phân bổ kinh phí xã hội hóa để hỗ trợ hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở hộ nghèo theo Kế hoạch số 29/KH-UBND
19	Quyết định	2911/QĐ-UBND	14/6/2018	UBND Thành phố	Bổ sung và điều chỉnh phân bổ nguồn vốn thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố; hoàn ứng ngân sách Thành phố và điều chỉnh kinh phí xã hội hóa để xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội

Phụ lục số 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng
I	**Chính sách tín dụng ưu đãi với người nghèo**					
1	**Tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo**					
	Số hộ nghèo được vay vốn	lượt hộ	10.344	9.705	8.500	**28.549**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	294.381	300.855	272.000	**867.236**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	691.442	516.777	420.000	**1.628.219**
2	**Tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo**					
	Số hộ cận nghèo được vay vốn	lượt hộ	17.350	14.302	11.000	**42.652**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	459.736	443.362	352.000	**1.255.098**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	1.431.510	843.240	570.000	**2.844.750**
3	**Chương trình cho vay HSSV**					
	Số hộ được cho vay	lượt hộ	4.340	2.000	1.300	**7.640**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	27.000	16.700	12.000	**55.700**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	269.704	181.033	130.000	**580.737**
4	**Chương trình cho vay Xuất khẩu lao động**					
	Số hộ được cho vay	lượt hộ	2	3	0	**5**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	60	90	0	**150**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	1.209	1.120	900	**3.229**
5	**Cho vay Hộ nghèo làm nhà ở**					
	Số hộ được cho vay	lượt hộ	0	0	3.937	**3.937**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	0	0	98.425	**98.425**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	50.353	45.486	138.125	**233.964**
6	**Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn**					
	Số hộ được cho vay	lượt hộ	717	786	950	**2.453**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	26.169	31.974	41.000	**99.143**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	87.565	90.541	92.500	**270.606**
7	**Cho vay NSVSMTNT**					
	Số hộ được cho vay	lượt hộ	26.377	24.627	24.000	**75.004**
	Tổng số tiền được vay	triệu đồng	316.151	295.336	290.000	**901.487**
	Tổng số dư nợ	triệu đồng	1.119.087	1.187.695	1.288.000	**3.594.782**
II	**Chính sách khám, chữa bệnh**					
1	Số người nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS được cấp thẻ BHYT	lượt người	386.782	245.568	203.906	**836.256**
	Kinh phí cấp thẻ	triệu đồng	240.000	170.874	142.000	**552.874**
2	Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	lượt người	146.565	181.199	93.711	**421.475**
	Kinh phí KCB (Nội trú, ngoại trú)	triệu đồng	269.237	317.124	151.153	**737.514**
3	Số lượt người cận nghèo được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	lượt người	136.501	182.500	132.719	**451.720**
	Kinh phí KCB (Nội trú, ngoại trú)	triệu đồng	144.330	216.048	141.962	**502.340**
III	**Chính sách hỗ trợ trong giáo dục và đào tạo**					
1	Số học sinh nghèo được miễn học phí	học sinh	8.742	5.806	12.206	**26.754**
	Kinh phí thực hiện	triệu đồng	3.963	3.802	3.217	**10.982**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng
2	Số học sinh cận nghèo được giảm học phí	học sinh	5.828	3.870	5.270	**14.968**
	Kinh phí thực hiện	triệu đồng	2.642	2.534	1.379	**6.555**
3	Số học sinh nghèo được cấp, tặng sách vở, đồ dùng học tập, học bổng, xe đạp	học sinh	6.621	5.927	11.419	**23.967**
	Kinh phí thực hiện	triệu đồng	12.266	13.159	15.936	**41.361**
4	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	học sinh	190	174	267	**631**
	Kinh phí thực hiện	triệu đồng	772	588	1.383	**2.743**
IV	**Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở**					
1	Số hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở	Hộ	1.083	913	4.230	**6.226**
	Tổng số tiền được hỗ trợ					
	+ Ngân sách TW					
	+ Ngân sách địa phương					
	+ Hỗ trợ của Doanh nghiệp, cộng đồng,	triệu đồng	7.000	12.985	262.249	**282.234**
2	Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo chương trình khác					
	Kinh phí hỗ trợ					
V	**Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo**					
1	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp pháp lý	Buổi	22	0	0	**22**
	Số người tham dự	Người	1.492	0	0	**1.492**
2	Số lượt tư vấn pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS	Người	1.040	724	2.101	**3.865**
3	Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số	Hội nghị	8	12	10	**30**
	Số người tham dự	Người	656	712	561	**1.929**
VI	**Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo**					
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	lượt hộ	65.377	44.412	32.619	**142.408**
	- Kinh phí thực hiện	triệu đồng	38.442	26.114	19.180	**83.736**
VII	**Hỗ trợ kinh phí cho người nghèo bị mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim**					
	- Số người	Người	87	71	40	**198**
	- Kinh phí	triệu đồng	749	122,7	124	**995,7**
VIII	**Trợ cấp hàng tháng**					
1	Đối tượng BTXH tại cộng đồng	Người	179.000	185.000	189.143	**553.143**
	Kinh phí	triệu đồng	720.000	1.000.000	1.091.969	**2.811.969**
2	Người không có khả năng thoát nghèo, mức 350.000/tháng/người	Người	7.000	6.500	5.000	**18.500**
	Kinh phí	triệu đồng	2.450	2.275	1.750	**6.475**
IX	**Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo**					
	Kinh phí	triệu đồng	2.000	2.000	2.000	**6.000**
X	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn, đặc biệt khó khăn**					
	Kinh phí	triệu đồng	400.000	350.000	100.000	**850.000**

Biểu số 3

BIỂU TỔNG HỢP

Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2018

TT	Quận, huyện, thị xã	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018		ƯỚC CUỐI NĂM 2018	
		Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
1	Ba Đình	553	0,92	469	0,78	435	0,67	0	0
2	Bắc Từ Liêm	1.027	1,52	871	1,27	727	1,05	604	0,86
3	Cầu Giấy	66	0,12	18	0,03	0	0,00	0	0
4	Đống Đa	565	0,55	493	0,48	424	0,41	371	0,35
5	Hà Đông	360	0,52	289	0,36	248	0,30	208	0,25
6	Hai Bà Trưng	337	0,66	207	0,41	165	0,29	98	0,12
7	Hoàn Kiếm	271	0,69	193	0,51	161	0,40	47	0,12
8	Hoàng Mai	335	0,41	250	0,30	220	0,25	179	0,18
9	Long Biên	527	0,83	377	0,56	339	0,49	228	0,32
10	Nam Từ Liêm	858	1,85	658	1,42	533	1,15	420	0,9
11	Tây Hồ	44	0,22	32	0,08	23	0,05	0	0
12	Thanh Xuân	162	0,25	61	0,08	46	0,06	0	0
13	Sơn Tây	1.797	5,19	1.422	4,04	1.121	3,17	683	1,85
14	Ba Vì	7.926	11,41	5.108	7,18	3.483	4,80	2.364	3,2
15	Chương Mỹ	7.846	10,24	4.240	5,49	2.826	3,65	1.943	2,48
16	Đan Phượng	1.551	3,86	1.286	3,15	1.126	2,62	688	1,54
17	Đông Anh	2.246	2,49	1.877	1,85	1.619	1,57	1.193	1,15
18	Gia Lâm	1.031	1,55	899	1,30	703	1,00	418	0,58
19	Hoài Đức	1.547	2,51	1.107	1,92	902	1,51	582	0,9
20	Mê Linh	2.956	5,96	2.160	4,24	1.270	2,35	830	1,49
21	Mỹ Đức	4.989	9,50	3.175	5,91	2.343	4,24	1.620	2,84
22	Phú Xuyên	3.928	6,35	3.093	4,85	2.093	3,07	1.680	2,43
23	Phúc Thọ	3.304	6,95	1.872	3,83	1.401	2,83	1.217	2,39
24	Quốc Oai	2.030	3,69	1.058	1,88	258	0,48	253	0,46
25	Sóc Sơn	4.289	5,43	3.011	3,73	2.249	2,72	1.563	1,87
26	Thạch Thất	2.744	5,30	1.853	3,49	1.434	2,66	1.085	1,97
27	Thanh Oai	3.007	5,57	2.058	3,67	1.672	2,93	1.355	2,3
28	Thanh Trì	1.573	2,54	1.277	1,87	1.041	1,41	771	0,99
29	Thường Tín	3.817	5,61	2.660	3,81	1.998	2,77	1.587	2,16
30	Ứng Hoà	3.691	6,55	2.338	4,12	1.759	3,07	1.403	2,44
	CỘNG	**65.377**	**3,64**	**44.412**	**2,37**	**32.619**	**1,69**	**23.390**	**1,17**

Biểu số 4

TỶ LỆ HỘ NGHÈO CÁC XÃ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

STT	Đơn vị	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018		DỰ KIẾN CUỐI NĂM 2018	
		Số hộ (đầu năm)	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ
	Tổng	**3.728**	**13,38**	**2.581**	**9,13**	**1.705**	**5,94**	**1.094**	**3,72**
I	**Huyện Mỹ Đức (1 xã)**								
1	Xã An Phú	710	38,44	511	25,54	393	19,64	276	12,90
II	**Huyện Ba Vì (7 xã)**	**2.457**	**14,21**	**1.821**	**10,21**	**1.133**	**6,28**	**687**	**3,71**
1	Xã Minh Quang	198	6,80	159	5,49	123	4,11	68	1,99
2	Xã Ba Vì	244	48,51	189	37,43	145	28,71	81	16,04
3	Xã Yên Bài	284	16,44	243	13,96	106	5,80	76	4,13
4	Xã Vân Hòa	472	17,66	409	13,68	238	8,69	122	4,45
5	Xã Khánh Thượng	455	24,45	276	14,50	202	10,61	115	6,04
6	Xã Ba Trại	365	10,06	235	6,40	101	2,74	76	2,06
7	Xã Tản Lĩnh	439	11,02	310	7,52	218	4,95	149	3,38
III	**Huyện Quốc Oai (2 xã)**	**84**	**4,25**	**23**	**1,16**	**11**	**0,55**	**8**	**0,39**
1	Xã Đông Xuân	66	4,89	15	1,11	8	0,59	6	0,43
2	Xã Phú Mãn	18	2,87	8	1,27	3	0,47	2	0,31
IV	**Huyện Thạch Thất (3 xã)**	**201**	**4,79**	**132**	**3,14**	**96**	**2,19**	**66**	**1,50**
1	Xã Yên Trung	50	5,42	23	2,54	19	2,10	14	1,53
2	Xã Yên Bình	74	4,55	52	3,20	37	2,06	28	1,56
3	Xã Tiến Xuân	77	4,67	57	3,41	40	2,39	24	1,43
V	**Huyện Chương Mỹ (1 xã)**	**276**	**10,82**	**94**	**4,15**	**72**	**3,15**	**57**	**2,40**
1	Xã Trần Phú	276	10,82	94	4,15	72	3,15	57	2,40